



ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG PHÁT THANH – TRUYỀN HÌNH II

*



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH NGHỀ: TIN HỌC ỨNG DỤNG
Chuyên ngành nghề: Digital Marketing
Mã ngành nghề: 6480205
Trình độ: Cao đẳng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 93-QĐ/CĐPTTH II ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh – Truyền hình II)

TP. Hồ Chí Minh, năm 2026

ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH II

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định 93-QĐ/CDPTTH II ngày 03 tháng 8 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh – Truyền hình II)*

Tên ngành, nghề: **Tin học ứng dụng (Digital Marketing)**

Mã ngành, nghề: **6480205**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Đối tượng tuyển sinh: **Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương**

Thời gian khóa học: **2,5 năm (30 tháng)**

1. Giới thiệu chương trình.

Ngành **Tin học ứng dụng** trình độ cao đẳng đào tạo người học có kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin và năng lực ứng dụng công nghệ số vào hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp. Chương trình trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về hệ thống máy tính, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu, lập trình, phát triển và quản trị website, thiết kế giao diện, thiết kế đồ họa, sản xuất nội dung số và các nền tảng công nghệ hiện đại.

Bên cạnh nền tảng công nghệ thông tin, chương trình chú trọng ứng dụng công nghệ số trong Marketing và Truyền thông, giúp người học có khả năng khai thác các nền tảng số để xây dựng nội dung, triển khai marketing số, quản trị mạng xã hội, tối ưu công cụ tìm kiếm, quảng cáo số, thương mại điện tử, truyền thông đa nền tảng, phân tích dữ liệu và đo lường hiệu quả hoạt động truyền thông.

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong các vị trí liên quan đến ứng dụng CNTT, quản trị website và nền tảng số, thiết kế và sản xuất nội dung số, Marketing số, truyền thông số, thương mại điện tử, quản trị mạng xã hội và hỗ trợ các hoạt động chuyển đổi số.

2. Mục tiêu đào tạo.

2.1. Mục tiêu chung.

Đào tạo người học trở thành kỹ sư thực hành ngành Tin học ứng dụng, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe, ý thức trách nhiệm và tác phong công nghiệp; có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, pháp luật, công nghệ thông tin và kiến thức chuyên sâu về lập trình, cơ sở dữ liệu, mạng máy tính, quản trị hệ thống, thiết kế đồ họa, sản xuất sản phẩm đa phương tiện, thương mại điện tử và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong môi trường số. Người học được rèn luyện năng lực kết hợp công nghệ thông tin với thiết kế, dữ liệu, Marketing số và Truyền thông số để



xây dựng, vận hành và tối ưu các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động truyền thông trên môi trường số. Đồng thời, chương trình chú trọng kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, an toàn thông tin, đạo đức nghề nghiệp và khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Nắm vững một cách có hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, có trình độ anh văn cơ bản.

Giải thích được cơ chế vận hành của ứng dụng web

Giải thích được mã HTML, CSS, JavaScript.

Liệt kê được các công nghệ web phía server.

Giải thích được ngôn ngữ SQL trong lập trình.

Phân loại được tính năng của các phần mềm ứng dụng.

Phân tích và phòng chống được nguy cơ tấn công từ bên ngoài.

Xác định được quy trình cài đặt phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

Xác định các thành phần cơ bản về hệ thống máy tính.

Xác định được quy mô, hiện trạng, phân loại được các mô hình mạng, thiết bị mạng của hệ thống mạng máy tính.

Giải thích sự hoạt động của các dịch vụ mạng cơ bản, nền tảng cho hệ thống mạng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Nhận biết được các nguy cơ mất an ninh, an toàn cho hệ thống.

Trình bày được kiến thức về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

Trình bày được cấu trúc tổng quan của một ứng dụng cơ sở dữ liệu.

Liệt kê được các bước lựa chọn đối tượng.

Mô tả được các thao tác thêm, sửa, xóa đối tượng.

Mô tả được tài liệu dùng chung, quản trị phần mềm.

Nghiên cứu được hồ sơ thiết kế

Trình bày được kiến thức về mỹ thuật 2D

Trình bày được các phương pháp, các lệnh xử lý vùng chọn; ý nghĩa sử dụng layer trong thiết kế đồ họa.

Xác định được công cụ xử lý ảnh phù hợp để thiết kế quảng cáo

Xác định được các kiểu phông chữ, hiệu ứng chữ trong thiết kế đồ họa.

Xác định các phương pháp xuất file theo mục đích sử dụng.

Trình bày được ý nghĩa các nhóm công cụ vẽ, các công cụ xử lý màu sắc.

Xác định các thông số in ấn theo chủng loại máy in.

Hiểu và trình bày được quy trình sản xuất phim và video

Ứng dụng các công cụ của AI trong truyền thông số

Hiểu nguyên lý và quy trình marketing trong môi trường số.

Hiểu thị trường, khách hàng, nhu cầu và hành vi người tiêu dùng.

Phân khúc, lựa chọn khách hàng mục tiêu và định vị sản phẩm/dịch vụ.

Xây dựng và quản trị thương hiệu trên nền tảng số.

Xây dựng, quản lý và phân phối nội dung số.

Hiểu rõ các nền tảng và kênh Digital Marketing: website, công cụ tìm kiếm, mạng xã hội, email, mobile...

Thương mại điện tử, kinh doanh số và hành trình khách hàng.

Quản trị dữ liệu và quan hệ khách hàng (CRM).

Các chỉ số và phương pháp đo lường hiệu quả Marketing số.

2.2.2. Về kỹ năng

❖ Kỹ năng nghề nghiệp

Sử dụng được hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

Lập trình được các module chức năng cho website.

Thiết đặt được các thông số hosting hoạt động đúng tiêu chuẩn.

Đóng gói và triển khai được ứng dụng web.

Tư vấn được các giải pháp công nghệ và sản phẩm công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Xây dựng được các kênh thông tin để khách hàng có thể tiếp cận dễ dàng các thông tin về sản phẩm phần mềm.

Thiết kế được mô hình hệ thống mạng (sơ đồ kết nối hệ thống mạng).

Lựa chọn được các thiết bị mạng máy tính phù hợp với nhu cầu của hệ thống.

Kết nối các thiết bị thành hệ thống mạng nội bộ, mạng internet.

Thiết lập các thông số mạng máy tính cơ bản.

Thiết lập cấu hình cho các dịch vụ mạng theo yêu cầu thực tế của cơ quan, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tạo các tài khoản nhóm người, người dùng dùng theo đúng phạm vi và loại nhóm người dùng.

Duy trì, giám sát hoạt động của hệ thống mạng.

Tạo và thiết lập được tường lửa cho hệ thống mạng.

Thực hiện các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh lao động, xử lý được các tình huống sơ cứu người bị tai nạn.

Cài đặt được cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

AN
ỜNC
ĐÀN
THAI
N HIN
NỘI

Kiểm tra an toàn dữ liệu, đảm bảo không hư hỏng, mất mát dữ liệu.

Thiết kế được giao diện ứng dụng web.

Lựa chọn được ngôn ngữ thiết kế ứng dụng.

Xử lý được hình ảnh có hiệu ứng, chất lượng phù hợp.

Lựa chọn được công cụ đồ họa phù hợp tùy vào thể loại thiết kế

Cài đặt, sử dụng được công cụ xử lý ảnh để thực hiện thiết kế theo yêu cầu.

Sử dụng được công cụ xử lý ảnh, chuyển đổi giữa các kiểu Raster và Vector

Thực hiện được thao tác với các vùng chọn trên công cụ đồ họa.

Thực hiện được thao tác với các công cụ vẽ đối tượng.

Thực hiện được thao tác với các hình ảnh trên các độ phân giải khác nhau.

Tạo được template chuẩn thiết kế.

Thực hiện các chế bản điện tử, xuất bản và in ấn sản phẩm.

Thiết kế, hoàn thiện được các sản phẩm đồ họa như: Thiết kế quảng cáo trên biển bảng quảng cáo, trên website hoặc mạng xã hội, trên truyền hình, trang bìa sách, dàn trang, trình bày nội dung sách, báo, tạp chí, tranh cổ động.

Tạo được các nhóm quyền, tạo người dùng và phân quyền được cho người sử dụng.

Áp dụng được những biện pháp bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả.

Khai thác sử dụng các phần mềm biên tập âm thanh, hình ảnh, video trong quy trình sản xuất phim và video.

Khai thác, sử dụng và vận hành các thiết bị quay phim, chụp hình.

Phân tích dữ liệu khách hàng, đo lường hiệu quả chiến dịch bằng các công cụ số.

Ứng dụng AI để sáng tạo nội dung, thiết kế hình ảnh, video, chatbot, tự động hóa marketing và phân tích dữ liệu.

Quản lý dự án Marketing số và phối hợp làm việc với các bộ phận kỹ thuật, kinh doanh và truyền thông.

Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề.

Thiết kế, triển khai và quản trị toàn diện các hoạt động Digital Marketing cho doanh nghiệp, cơ quan và tổ chức.

Phân tích dữ liệu, đánh giá hiệu quả và tối ưu hóa các chiến dịch marketing trên nền tảng số.

Ứng dụng công nghệ mới, AI và dữ liệu lớn để nâng cao hiệu quả marketing và truyền thông.

Thích ứng nhanh với sự thay đổi của công nghệ và xu hướng truyền thông số.
 Khởi nghiệp hoặc phát triển các mô hình kinh doanh số và thương mại điện tử.
 Biết vận hành các nền tảng số và hệ thống CRM, CMS, Marketing Automation.

❖ **Kỹ năng mềm**

Kỹ năng thực hiện các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh lao động, xử lý được các tình huống sơ cứu người bị tai nạn

Kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết vấn đề

Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề; đọc và hiểu một phần các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành.

2.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có lòng yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện, bối cảnh làm việc thay đổi;

Cập nhật được kiến thức, thực hiện sáng tạo trong công việc;

Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp, người học ngành Tin học ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí việc làm tại doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức và các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, kinh doanh và truyền thông số, như:

- Phát triển ứng dụng web.
- Quản trị hệ thống mạng.
- Thiết kế sản phẩm, ấn phẩm quảng cáo và xuất bản.
- Thiết kế và quản trị website, nền tảng số và nội dung số
- Nhân viên ứng dụng và hỗ trợ công nghệ thông tin
- Nhân viên vận hành và khai thác các dịch vụ điện toán đám mây, nền tảng số
- Nhân viên Marketing số, Marketing trên các nền tảng mạng xã hội;
- Nhân viên thương mại điện tử và kinh doanh số
- Nhân viên quản trị quan hệ khách hàng (CRM)
- Nhân viên truyền thông số và quản trị kênh truyền thông đa nền tảng
- Nhân viên thiết kế đồ họa, sản xuất video và nội dung đa phương tiện phục vụ Marketing và truyền thông

- Nhân viên vận hành livestream và sản xuất nội dung ngắn
- Nhân viên vận hành các chiến dịch Marketing và truyền thông trên nền tảng số.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **2.640** giờ / **115** tín chỉ
- Số lượng mô đun, môn học: **38**
- Khối lượng học tập các môn học chung: **435** giờ/ **19** tín chỉ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: **2.205** giờ/ **96** tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: **1.038** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1.502** giờ/

115 tín chỉ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (Năng lực chung)	
1	NLCB-01	Năng lực vận dụng kiến thức giáo dục chính trị, tư tưởng vào nghề nghiệp và đời sống
2	NLCB-02	Năng lực tuân thủ pháp luật và thực hiện nghĩa vụ công dân
3	NLCB-03	Năng lực rèn luyện thể chất, bảo vệ sức khỏe
4	NLCB-04	Năng lực thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh quốc gia
5	NLCB-05	Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản vào công việc
6	NLCB-06	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp cơ bản
7	NLCB-07	
II	Năng lực cốt lõi (Năng lực chuyên môn)	
8	NLCL-01	Năng lực vận dụng nguyên lý marketing để phân tích thị trường, khách hàng và xây dựng kế hoạch marketing cho sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số
9	NLCL-02	Năng lực vận dụng pháp luật và đạo đức số để quản lý nội dung, nhận diện rủi ro và xử lý các tình huống truyền thông trên môi trường số
10	NLCL-03	Năng lực quản lý dữ liệu khách hàng, chăm sóc khách hàng và duy trì khách hàng trung thành
11	NLCL-04	Năng lực hiểu hệ sinh thái marketing số, xây dựng chiến lược và triển khai chiến dịch trên nền tảng số
12	NLCL-05	Năng lực vận hành thiết bị chụp hình, quay phim

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
13	NLCL-06	Năng lực thiết kế, quản trị và khai thác cơ sở dữ liệu
14	NLCL-07	Năng lực lập trình và phát triển phần mềm
15	NLCL-08	Năng lực thiết kế đồ họa số
16	NLCL-09	Năng lực sản xuất nội dung đa phương tiện
17	NLCL-10	Năng lực thiết kế giao diện website
18	NLCL-11	Năng lực thực hiện hoạt động thương mại điện tử và marketing số
19	NLCL-12	Năng lực quản trị hệ thống máy tính
20	NLCL-13	Năng lực thiết kế, triển khai và quản trị toàn diện các hoạt động Marketing số
21	NLCL-14	Năng lực ứng dụng công nghệ và nền tảng số để xây dựng, triển khai và đánh giá các chiến dịch quảng cáo, truyền thông tích hợp đa nền tảng
22	NLCL-15	Năng lực quản trị hệ thống mạng
23	NLCL-16	Năng lực bảo đảm an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu khách hàng
24	NLCL-17	Năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực truyền thông
25	NLCL-18	Năng lực hiểu các vấn đề về an toàn, bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong giao dịch điện tử và chấp hành pháp luật liên quan đến CNTT (Luật Giao dịch điện tử, Luật Sở hữu trí tuệ).
26	NLCL-19	Năng lực lập trình web thương mại điện tử
27	NLCL-20	Năng lực xây dựng nhận diện, định vị, hình ảnh và giá trị thương hiệu
28	NLCL-21	Năng lực vận hành Livestream đa nền tảng
29	NLCL-22	Năng lực tác nghiệp trong môi trường doanh nghiệp
30	NLCL-23	Năng lực sử dụng và quản lý hiệu quả dịch vụ cloud, nền tảng số và dữ liệu trong hoạt động CNTT
III Năng lực nâng cao		
31	NLNC-01	Năng lực thiết kế và phát triển website
32	NLNC-02	Năng lực lập kế hoạch và phối hợp nhiều kênh truyền thông để thực hiện chiến dịch truyền thông
33	NLNC-03	Năng lực thực hiện dự án thực tế tại doanh nghiệp

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
34	NLNC-04	Năng lực làm việc nhóm và quản lý dự án
35	NLNC-05	Năng lực độc lập thực hiện đồ án
36	NLNC-06	Năng lực tự học, tự cập nhật kiến thức mới
37	NLNC-07	Năng lực đổi mới sáng tạo và thích ứng nghề nghiệp
38	NLNC-08	Năng lực có khả năng học liên thông lên trình độ cao hơn

6. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I.	Các môn học chung	19	435	157	255	23
109.0.042	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
109.0.022	Pháp luật	2	30	18	10	2
109.0.025	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
109.0.001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
109.0.090	Tin học	3	75	15	58	2
109.0.044	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3
109.0.045	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3
II.	Các môn học, mô đun chuyên môn	96	2.205	881	1.247	77
II.1	Môn học, mô đun cơ sở ngành	26	510	266	224	20
110.0.139	Marketing và công nghệ số	3	45	43	0	2
110.0.140	Pháp luật, đạo đức và quản trị khủng hoảng truyền thông trên môi trường số	3	45	43	0	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
110.0.143	Nhiếp ảnh	3	60	30	28	2
110.0.141	Adobe Photoshop	3	75	15	56	4
110.0.142	Adobe Illustrator	3	75	15	56	4
110.0.146	Kỹ thuật lập trình	4	75	45	28	2
110.0.147	Cơ sở dữ liệu và quản trị dữ liệu	4	75	45	28	2
110.0.148	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	60	30	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	55	1.125	525	560	40
110.0.149	Sản xuất nội dung số đa phương tiện	3	60	30	28	2
110.0.150	Marketing số	3	60	30	28	2
110.0.043	Quản trị thương hiệu	3	60	30	28	2
110.0.152	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3	60	30	28	2
110.0.011	Livestream đa nền tảng	2	45	15	28	2
110.0.153	Quảng cáo số và truyền thông tích hợp (IMC).	3	60	30	28	2
110.0.154	Xử lý hậu kỳ	4	90	30	56	4
110.0.155	Ứng dụng AI trong truyền thông số	3	60	30	28	2
110.0.156	An toàn thông tin và bảo mật dữ liệu khách hàng	3	60	30	28	2
110.0.157	Công nghệ điện toán đám mây và các nền tảng số	3	60	30	28	2



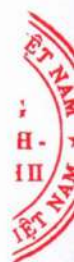
Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
110.0.158	Quản trị và bảo trì máy tính	3	60	30	28	2
110.0.159	Mạng máy tính	3	60	30	28	2
110.0.160	Quản trị mạng	3	60	30	28	2
110.0.161	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng	3	60	30	28	2
110.0.162	Thương mại điện tử và kinh doanh số	3	60	30	28	2
110.0.163	Thiết kế layout trang web	3	60	30	28	2
110.0.164	Lập trình web	4	90	30	56	4
110.0.165	AI và tự động hóa trong Marketing số.	3	60	30	28	2
II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao	15	570	90	463	17
II.3.1	Môn học, mô đun tự chọn (sinh viên chọn 1 trong 2 MH/MĐ sau)	4	75	45	28	2
110.0.166	Phân tích dữ liệu phục vụ marketing.	4	75	45	28	2
110.0.167	Internet Marketing	4	75	45	28	2
II.3.2	Môn học, mô đun nâng cao (Thực tập tốt nghiệp)	11	495	45	435	15
110.0.168	Thực tế tại doanh nghiệp	4	180	15	160	5
110.0.169	Đồ án tốt nghiệp	3	135	15	115	5
110.0.170	Thực tập tốt nghiệp	4	180	15	160	5

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Tổng cộng toàn khóa		115	2.640	1.038	1.502	100

7. Kế hoạch đào tạo

TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Tên MH/MĐ: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
Học kỳ 1			20		
<i>Môn học, mô đun bắt buộc</i>			20		
1	109.0.044	Tiếng Anh 1	2(1,1)		
2	109.0.090	Tin học	3(1,2)		
3	110.0.139	Marketing và công nghệ số	3(2,1)		
4	110.0.158	Quản trị và bảo trì máy tính	3(2,1)		
5	110.0.143	Nhiếp ảnh	3(2,1)		
6	110.0.141	Adobe Photoshop	3(1,2)	110.0.143 (a)	
7	110.0.157	Công nghệ điện toán đám mây và các nền tảng số	3(2,1)		
<i>Môn học, mô đun tự chọn</i>			0		
Học kỳ 2			27		
<i>Môn học, mô đun bắt buộc</i>			27		
1	109.0.045	Tiếng Anh 2	2(1,1)		
2	109.0.042	Giáo dục chính trị	5(5,0)		
3	110.0.146	Kỹ thuật lập trình	4(3,1)		
4	110.0.142	Adobe Illustrator	3(1,2)		
5	110.0.149	Sản xuất nội dung số đa phương tiện	3(2,1)		
6	110.0.150	Marketing số	3(2,1)		
7	110.0.159	Mạng máy tính	3(2,1)		
8	110.0.168	Thực tế tại doanh nghiệp	4(0,4)		

TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Tên MH/MĐ: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
<i>Môn học, mô đun tự chọn</i>			0		
Học kỳ 3			28		
<i>Môn học, mô đun bắt buộc</i>			24		
1	109.0.022	Pháp luật	2(2,0)		
2	110.0.147	Cơ sở dữ liệu và quản trị dữ liệu	4(3,1)		
3	110.0.148	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3(3,0)		
4	110.0.161	Kỹ thuật lập trình hướng đối tượng	3(1,2)	110.0.148 (a)	
5	110.0.011	Livestream đa nền tảng	2(1,1)		
6	110.0.152	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	3(2,1)		
7	110.0.154	Xử lý hậu kỳ	4(2,2)		
8	110.0.163	Thiết kế layout trang web	3(2,1)		
<i>Môn học, mô đun tự chọn (sinh viên chọn 1 trong 2 MH/MĐ sau)</i>			4		
9	110.0.166	Phân tích dữ liệu phục vụ marketing.	4(3,1)		
10	110.0.167	Internet Marketing	4(3,1)		
Học kỳ 4			33		
<i>Môn học, mô đun bắt buộc</i>			33		
1	109.0.025	Giáo dục thể chất	2(0,2)		
2	109.0.001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3(2,1)		
3	110.0.153	Quảng cáo số và truyền thông tích hợp (IMC).	3(2,1)		
4	110.0.160	Quản trị mạng	3(2,1)		
5	110.0.140	Pháp luật, đạo đức và quản trị khủng hoảng truyền thông trên môi trường số	3(3,0)		
6	110.0.162	Thương mại điện tử và kinh doanh số	3(2,1)		
7	110.0.043	Quản trị thương hiệu	3(2,1)		



TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Tên MH/MĐ: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
8	110.0.156	An toàn thông tin và bảo mật dữ liệu khách hàng	3(2,1)		
9	110.0.164	Lập trình web	4(3,1)		
10	110.0.155	Ứng dụng AI trong truyền thông số	3(2,1)		
11	110.0.165	AI và tự động hóa trong Marketing số.	3(0,3)		
Môn học, mô đun tự chọn			0		
Học kỳ 5			7		
Môn học, mô đun bắt buộc			7		
1	110.0.169	Đồ án tốt nghiệp	3(0,3)		
2	110.0.170	Thực tập tốt nghiệp	4(0,4)		8 tuần
Môn học, mô đun tự chọn			0		
Tổng cộng			115		

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

8.1. Hướng dẫn việc giảng dạy các môn học chung

Các môn học chung trong chương trình đào tạo được tổ chức giảng dạy theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành và các quy định hiện hành có liên quan, cụ thể:

Môn Tiếng Anh: Thông tư số 44/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;

Môn Giáo dục chính trị: Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;

Môn Pháp luật: Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành Chương trình môn học Pháp luật;

Môn Giáo dục thể chất: Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;

Môn Tin học: Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành Chương trình môn học Tin học;

Môn Giáo dục quốc phòng và an ninh: Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

8.2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy

tín chỉ

Giảng dạy lý thuyết và thực hành được tổ chức tại các phòng học của Nhà trường. Khối lượng kiến thức các môn học được bố trí xen kẽ hợp lý, giúp sinh viên tiếp cận kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu một cách đầy đủ và hiệu quả.

Một năm học gồm 02 học kỳ. Mỗi học kỳ có từ 15 - 20 tuần thực học và 02 - 03 tuần thi.

Khối lượng học tập tối thiểu mỗi học kỳ là 15 tín chỉ, bao gồm các môn học, mô-đun cốt lõi. Riêng học kỳ cuối khóa, sinh viên tập trung thực tế và thực tập tốt nghiệp.

Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, bài tập/thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của ngành nghề không tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo

Hàng năm, Ban Giám hiệu chỉ đạo các Khoa và giảng viên trực tiếp giảng dạy đánh giá, rà soát chương trình các môn học, mô-đun để bổ sung, cập nhật kiến thức mới, khắc phục hạn chế và phù hợp hơn với nhu cầu thực tế.

8.3. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với những nội dung thực hiện bằng hình thức trực tuyến.

Việc tổ chức đào tạo trực tuyến áp dụng cho một hoặc nhiều môn học lý thuyết hoặc thời lượng lý thuyết của môn học, mô-đun theo yêu cầu, phải đảm bảo tính linh hoạt, phù hợp với điều kiện người học và yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin.

Giảng dạy trực tuyến phải bám sát mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của chương trình đã phê duyệt. Học liệu trực tuyến bao gồm video bài giảng, tài liệu điện tử, bài tập tương tác..., phải có tính sư phạm cao, dễ tiếp cận và hỗ trợ hiệu quả việc tự học.

Các hoạt động giảng dạy được thực hiện qua các nền tảng công nghệ phù hợp theo yêu cầu của Nhà trường. Giảng viên chịu trách nhiệm hướng dẫn, tương tác và hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập của môn học

8.4. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa sẽ được Nhà trường công bố trước mỗi năm học, căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của Nhà trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa, từng lớp.

8.5. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá và thi kết môn học, mô-đun:

Thời gian kiểm tra, đánh giá môn học, mô-đun được quy định trong Kế hoạch giảng dạy của giảng viên và hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học. Thời gian thi kết thúc môn học được bố trí cụ thể trong Tiến độ đào tạo năm học.

8.6. Hướng dẫn xét và công nhận tốt nghiệp:

Sinh viên phải học và hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo, đồng thời tích lũy

đủ số tín chỉ theo quy định.

Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ vào kết quả học tập và tích lũy tín chỉ của sinh viên để quyết định xét và công nhận tốt nghiệp.

Sau khi công nhận tốt nghiệp, Hiệu trưởng quyết định cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng và công nhận danh hiệu Kỹ sư thực hành theo quy định hiện hành.

8.7. Các chú ý khác:

Các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh không tính vào điểm trung bình chung học tập, nhưng là môn học điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập và xét công nhận tốt nghiệp.

Mô đun Thực tế tại doanh nghiệp và Thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên củng cố, vận dụng và phát triển kiến thức, kỹ năng đã học vào môi trường thực tiễn. Quá trình thực tập do Trưởng Khoa phối hợp với đơn vị tiếp nhận hướng dẫn, giám sát. Sinh viên thực hiện theo kế hoạch thực tập đã được phê duyệt. Sau khi kết thúc, sinh viên nộp báo cáo thực tập tốt nghiệp cùng các sản phẩm thực tế (nếu có) để đơn vị tiếp nhận và giảng viên hướng dẫn đánh giá theo quy định của Nhà trường.

Mã môn học, mô đun được thống nhất trong chương trình khung do các Khoa chuyên môn phụ trách. Cụ thể như sau:

- Khoa Kinh tế truyền thông: 109
- Khoa Báo chí - Truyền thông: 110

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



TS. Kim Ngọc Anh



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

BẢNG QUY ĐỊNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN THAY THẾ TỪ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2023 SANG 2026

(Ban hành theo Quyết định số 93-QĐ/CDPTTH II ngày 03 tháng 8 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh – Truyền hình II)

Áp dụng cho các khóa tuyển sinh năm 2024, 2025.

TT	Mã MH (cũ)	Tên môn học (cũ)	Số TC	Tên môn học (mới)	Mã MH (mới)	Số TC
1						
2						
3						
4						
5						